TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 28/6/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thùy Lê và ông Phạm Ngọc Tân.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST- DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* - Vợ chồng anh **Trần Minh T1** – sinh năm 1994, chị **Đào Thị Trúc N** – sinh năm 1997; Cùng địa chỉ: thôn Y, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:*Vợ chồng anh **Phạm Tấn T** – sinh năm 1977, chị **Phạm Thị Hồng T** – sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: thôn Y, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn vợ chồng anh Trần Minh T, chị Đào Thị Trúc N thống nhất trình bày: Do có bà con với nhau, vào ngày 29/8/2022, vợ chồng anh chị có cho vợ chồng anh Phạm Tấn T, chị Phạm Thị Hồng T mượn số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Thời gian mượn 01 năm. Anh chị đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng anh T chị T không trả nợ, chị N cũng trực tiếp nhắn tin zalo cho anh T nhưng anh T chặn tin nhắn. Vợ chồng anh T không trả nợ cho vợ chồng anh chị. Nay vợ chồng anh chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị T phải trả cho vợ chồng anh chị số tiền đã mượn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Anh chị yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày Tòa thụ lý vụ án 20/02/2024.

Giấy mượn tiền đề ngày 29/8/2022: do chị T viết. Sau đó chị T và anh T cùng ký, ghi họ và tên trước mặt chị N.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là vợ chồng anh Phạm Tấn T, chị Phạm Thị Hồng T nhưng vợ chồng anh T không đến Toà án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Phạm Tấn T phải trả cho vợ chồng anh Trần Minh T số tiền đã vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Lãi suất từ ngày 20/02/2024 đến ngày 28/6/2024: 04 tháng 08 ngày: 50.000.000đ x (10%/12 tháng) x 04 tháng 08 ngày = 50.000.000đ x 0,83% x 4 tháng 8 ngày = 1.770.667đ. Về án phí: Vợ chồng anh T, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn vợ chồng anh Trần Minh T1, chị Đào Thị Trúc N khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Phạm Tấn T, chị Phạm Thị Hồng T trả tiền vay tài sản theo giấy mượn tiền lập ngày 29/8/2022. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay, đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Giữa vợ chồng anh T1 và vợ chồng anh T có hợp đồng vay tài sản thể hiện bằng Giấy mượn tiền lập ngày 29/8/2022 có chữ ký và điểm chỉ của bên mượn tiền Phạm Thị Hồng T, Phạm Tấn T. Chị N có đòi nợ và nhắn tin đòi nợ anh T, chị T. Vợ chồng anh T có mượn tiền của vợ chồng anh Thoại nhưng không trả nợ là xâm phạm đến quyền lợi của vợ chồng anh Thoại. Vì vậy vợ chồng anh Thoại khởi kiện là có căn cứ.

- Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ vợ chồng anh T, chị T nhưng vợ chồng anh T, chị T vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn nên không có cơ sở xem xét.

- Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày Tòa án thụ lý 20/02/2024, đây là yêu cầu hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: Từ ngày 20/02/2024 đến ngày 28/6/2024: 04 tháng 08 ngày. = 50.000.000đ x (10%/12 tháng) x 04 tháng 08 ngày = 50.000.000đ x 0,83% x 04 tháng 8 ngày = 1.770.667đ.

- Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn vợ chồng anh Phạm Tấn T, chị Phạm Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn vợ chồng anh Trần Minh T1, chị Đào Thị Trúc N số tiền 51.770.667đ (năm mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và lãi suất 1.770.667đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn sáu trăm sáu mơi bảy đồng).

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn vợ chồng anh Phạm Tấn T, chị Phạm Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 51.770.667đ x 5% = 2.588.533đ (Hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng anh Trần Minh T1, chị Đào Thị Trúc N đối với bị đơn Vợ chồng anh Phạm Tấn T, chị Phạm Thị Hồng T. Buộc vợ chồng anh T, chị T có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh Thoại, chị N số tiền **51.770.667đ (Năm mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)**, trong đó nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và lãi suất 1.770.667đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn sáu trăm sáu mơi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trả chậm quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Vợ chồng anh Phạm Tấn T, chị Phạm Thị Hồng T phải chịu **2.588.533đ (Hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn năm trăm ba mươi ba đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho vợ chồng anh Trần Minh T1, chị Đào Thị Trúc N 1.250.000đ *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0010640 ngày 05/02/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện A.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

Lê Thị Xuân Hương